



BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

CHÍNH SÁCH DÂN TỘC VỚI VIỆC BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

TS. BÙI THỊ NGỌC ANH

Phó Viện trưởng

Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam

Tóm tắt: Bài viết trình bày nội dung chính sách dân tộc được thể hiện qua các văn kiện của Đảng qua các kỳ Đại hội, Hiến pháp của Nhà nước; từ đó nhận xét, rút ra những nội dung cơ bản của chính sách, đặt nó trong tương quan với luật pháp quốc tế; xem xét các âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc của các thế lực thù địch, nêu ra các biện pháp để đấu tranh trong vấn đề này.

Từ khóa: Chính sách dân tộc, văn kiện của Đảng, luật pháp quốc tế, thế lực thù địch.

Abstract: The article presents objectively the contents of ethnic policies expressed in the Party documents through the National Party Congresses and the State's Constitution; then comments and draws out the basic contents of the policies; putting them in relation to the international law; considers the plots of hostile forces to take advantage of the national problems, finding measures to combat such plots.

Keywords: National policies, Party documents, international law, hostile forces.

1. Đặt vấn đề

Đối với các quốc gia đa dân tộc, ở cấp độ quản lý nhà nước, vấn đề mối quan hệ giữa các dân tộc luôn luôn được quan tâm đặc biệt. Thực tiễn cho thấy, sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia phụ thuộc rất nhiều vào cách ứng xử công bằng, bình đẳng trong mối quan hệ này. Cũng chính vì vậy, hầu hết các quốc gia đa dân tộc, đa ngôn ngữ, ở những mức độ khác nhau, khi xử lý mối quan hệ giữa các dân tộc, đều cố gắng xây dựng những chính sách riêng về dân tộc.

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc. Theo *Danh mục các dân tộc Việt Nam* được Tổng cục Thống kê công bố ngày 2 tháng 3 năm 1979, nước ta có 54 dân tộc khác nhau.

Trong số 54 dân tộc, dân tộc Kinh là dân tộc đa số, 53 dân tộc còn lại là các dân tộc thiểu số. Từ khi thành lập cho đến nay, Đảng và Nhà nước đã dành nhiều sự quan tâm đến vấn đề dân tộc, góp phần quan trọng tạo nên sự ổn định, phát triển của đất nước. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, các thế lực thù địch đã tìm mọi thủ đoạn công kích nền tảng tư tưởng của Đảng hòng làm giảm niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Một trong những thủ đoạn đó là *ra sức lợi dụng chiêu bài dân tộc để chống phá cách mạng Việt Nam*.

Bài viết này làm rõ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về mối quan hệ giữa các dân tộc ở nước ta. Mục đích của bài viết là góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trước sự xuyên tạc chống phá của các thế lực thù địch.

2. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước

2.1. Trong tiếng Việt, từ "dân tộc" được sử dụng theo hai nghĩa khác nhau: *dân tộc* được hiểu với tư cách là *quốc gia* (nation) và với tư cách là *tộc người* (ethnic). Ở nghĩa thứ nhất, thường xuất hiện trong những cách nói: "*Dân tộc Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập*" (Hồ Chí Minh), "*Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một*" (Hồ Chí Minh). Ở nghĩa thứ hai, có thể gặp trong những cách nói phổ biến như: "*Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam*" (*Hiến pháp 1992*); dân tộc Tày sinh sống chủ yếu ở vùng núi phía Bắc;... Trên thế giới tình trạng dân tộc đa tộc người là phổ biến. *Dân tộc* và *tộc người* có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Một dân tộc thường bao gồm nhiều cộng đồng tộc người

với nhiều ngôn ngữ, yếu tố văn hoá, thậm chí chủng tộc khác nhau. Ở bài viết này, "dân tộc" được dùng chủ yếu với nghĩa là các tộc người.

2.2. Trong hoạt động của hệ thống chính trị nước ta, chính sách của Đảng sẽ được thể chế hóa trong Hiến pháp, các bộ luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác. Ngay từ những năm đầu lãnh đạo Cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã hết sức quan tâm đến chính sách dân tộc. Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, một năm sau (1946), Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở điều 6, điều 7 và điều 8 đã khẳng định: "*Tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện: chính trị, kinh tế, văn hoá. Tất cả công dân Việt Nam đều bình đẳng trước pháp luật, đều được tham gia chính quyền và công cuộc kiến quốc tùy theo tài năng và đức hạnh của mình. Ngoài sự bình đẳng về quyền lợi, những quốc dân thiểu số được giúp đỡ về mọi phương diện để chóng tiến kịp trình độ chung*". Sự khẳng định này cho thấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước không những công nhận sự tồn tại của các dân tộc mà còn khẳng định sự bình đẳng về lợi ích và nghĩa vụ của tất cả các dân tộc. Trong *Luận cương Cách mạng Việt Nam* do Trường Chinh trình bày tại Đại hội Đảng lần thứ II (2.1951), bên cạnh sự bình đẳng, trong đường lối của mình, Đảng đã chủ trương nhấn mạnh vào việc tạo lập khối đại đoàn kết giữa các dân tộc để kháng chiến chống lại thế lực xâm lược và xây dựng đất nước: "*Nguyên vọng của các dân tộc sống chung trong nước Việt Nam hiện nay là đoàn kết, thân ái, giúp đỡ lẫn nhau, chung sức chống bọn thực dân xâm lược, quyết không trở lại đời nô lệ cũ. Cho nên chính sách của Đảng và Chính phủ ta lúc*

này là làm cho các dân tộc đó đoàn kết chặt chẽ, đặng kháng chiến, đánh bại quân xâm lược và cùng nhau xây dựng một quốc gia Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, tự do, phú cường, trong đó mọi dân tộc đều bình đẳng và giúp đỡ nhau cùng tiến"; [3, t.12, tr.140]. Trong Nghị quyết của Bộ Chính trị tháng 8.1952, Đảng ta tiếp tục đưa ra những nội dung mới về đường lối lãnh đạo mối quan hệ giữa các dân tộc: "*Các dân tộc sống trên đất Việt Nam đều được bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, phải đoàn kết giúp đỡ nhau để kháng chiến và kiến quốc. Kiên quyết chống chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, đánh đổ âm mưu gây thù hằn chia rẽ dân tộc của đế quốc và lũ Việt gian. Cải thiện đời sống cho các dân tộc thiểu số, giúp đỡ họ tiến bộ về mọi mặt, đảm bảo để họ tham gia chính quyền và dùng tiếng mẹ đẻ trong việc giáo dục ở các địa phương thiểu số*". [3, t.13, tr.261]. Đây là chính sách dân tộc toàn diện đầu tiên của Đảng ta, phù hợp với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện của Đảng.

Sau Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, nước ta tạm thời phân thành hai miền Nam - Bắc. Miền Bắc tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội với việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất; miền Nam tiếp tục kháng chiến chống Đế quốc Mỹ. Ngày 10.09.1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã họp và đề ra nhiệm vụ, đường lối của Cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới. Nghị quyết của Đại hội đã xác định: "*Dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, các dân tộc đa số và thiểu số có một truyền thống đoàn kết anh em, Đảng và Nhà nước ta cần phải có kế hoạch toàn diện và lâu dài phát triển kinh tế và văn hoá ở miền núi tiến kịp miền xuôi, các dân tộc thiểu số tiến kịp dân tộc đa số, giúp các dân tộc phát huy tinh thần cách mạng và khả năng to lớn*

của mình. Trong cán bộ cũng như trong nhân dân cần khắc phục tư tưởng dân tộc hẹp hòi, đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc để cùng nhau tiến lên chủ nghĩa xã hội" [3, t.21, tr.937]. Với kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, chính sách dân tộc của Đảng ta đã có thêm những nội dung mới hết sức quan trọng, đó là: phải có kế hoạch dài hạn để phát triển kinh tế và văn hóa ở miền núi nhằm tiến kịp miền xuôi.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ XXIII của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 25.12.1974 về tăng cường sự lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng có chỉ rõ: "*Các ngành có trách nhiệm tích cực giúp đỡ và hướng dẫn miền núi phát triển kinh tế, văn hóa, củng cố mọi mặt theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ XIX và lần thứ XXII của Trung ương. Các đảng bộ ở miền núi phải tích cực lãnh đạo phát triển sản xuất, xây dựng và củng cố hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã lâm nghiệp, đào tạo cán bộ người dân tộc, xây dựng cơ sở Đảng, giáo dục, lãnh đạo nhân dân và cán bộ đoàn kết, hăng hái tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa, xây dựng cuộc sống mới, làm tốt nghĩa vụ với Tổ quốc*" [3, t.35, tr.289]. Với Nghị quyết này, chính sách dân tộc tiếp tục được cụ thể hóa thêm một bước. Trước hết, trách nhiệm phát triển kinh tế, văn hóa đối với miền núi, đối với các dân tộc thiểu số đã giao cụ thể cho các ngành, các Đảng bộ miền núi. Đặc biệt, Nghị quyết cũng nhấn mạnh vào công tác đào tạo cán bộ người dân tộc, nhấn mạnh vào việc xây dựng cơ sở Đảng trong vai trò là người dẫn dắt đồng bào tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa.

Ngay sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1975), Ban Bí thư Trung ương đã họp, có một số ý kiến về công tác dân tộc trong tình hình mới: "*Ngày*

nay, Nhà nước đã thống nhất. Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Đó là nguồn sức mạnh và là nguyên tắc cao nhất, dù Kinh hay Thượng, dù người dân tộc ở vùng này hay vùng khác trước hết đều là người Việt Nam ở trong Tổ quốc Việt Nam thống nhất. Phải tiếp tục thực hiện phương hướng công tác dân tộc đã được xác định trong nội quy Đại hội Đảng lần thứ III, thực hiện đầy đủ quyền bình đẳng giữa các dân tộc, động viên đồng bào dân tộc trong cả nước tham gia tích cực vào việc xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, củng cố quốc phòng, chống lại mọi âm mưu chia rẽ các dân tộc của đế quốc và bọn tay sai của chúng. Trong giai đoạn mới, phải sớm có những chủ trương, chính sách, đi đôi với những biện pháp tích cực để chăm sóc sức khỏe, cải thiện đời sống văn hóa của đồng bào các dân tộc” [3, t.37, tr.122]. Trong bối cảnh đó, chính sách dân tộc của Đảng không chỉ là sự kế thừa mà cần phải có những điều chỉnh để phù hợp với tình hình mới.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV đã đề ra chính sách dân tộc trong công cuộc đổi mới đất nước. Nghị quyết Đại hội nhấn mạnh: “Giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc là một trong những nhiệm vụ có tính chất chiến lược của Cách mạng Việt Nam. Phải tăng cường khối đoàn kết không gì lay chuyển nổi giữa các dân tộc trong cả nước, phát huy tinh thần cách mạng và năng lực sáng tạo của các dân tộc ít người trong sự nghiệp xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chính sách dân tộc của Đảng là thực hiện triệt để quyền bình đẳng về mọi mặt giữa các dân tộc, tạo những điều kiện cần thiết để xóa bỏ tận gốc những chênh lệch về trình độ kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc ít người và dân tộc đông người, đưa miền núi tiến kịp miền

xuôi, vùng cao tiến kịp vùng thấp, làm cho tất cả các dân tộc đều có cuộc sống ấm no, văn minh và hạnh phúc, đoàn kết giúp đỡ nhau tiến bộ, cùng làm chủ tập thể Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa” [3, t.37, tr.958]. Với Nghị quyết Đại hội IV, vấn đề dân tộc được Đảng xác định là “một trong những nhiệm vụ có tính chất chiến lược của Cách mạng Việt Nam”. Đảng cũng nhấn mạnh hơn tới biện pháp thực hiện các mục tiêu: “thực hiện triệt để”, “xóa bỏ tận gốc”.

Trên cơ sở chủ trương của Đảng, ở Điều 5 Hiến pháp năm 1980 đã xác định: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam, bình đẳng về quyền và nghĩa vụ. Nhà nước bảo vệ, tăng cường và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, nghiêm cấm mọi hành vi miệt thị, chia rẽ dân tộc. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn và phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình. Nhà nước có kế hoạch xóa bỏ từng bước sự chênh lệch giữa các dân tộc về trình độ phát triển kinh tế và văn hóa”. Có thể nói, với Hiến pháp 1980, những nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng đã được hiến định một cách toàn diện.

Trong xu thế đổi mới công tác dân tộc, Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12.1986) đã chỉ rõ: “Đảng cần tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết và đấu tranh cách mạng kiên cường, dũng cảm của các dân tộc thiểu số ở nước ta nhằm củng cố và nâng cao thêm một bước khối đoàn kết các dân tộc, hướng vào việc xây dựng miền núi giàu mạnh, thực hiện thắng lợi các mục tiêu và nhiệm vụ cách mạng do Đại hội đề ra. Tăng cường việc giáo dục chính sách dân tộc trong cán bộ, đảng viên, trong quân đội và đồng bào cả nước, nâng

cao cảnh giác, kịp thời vạch trần và làm thất bại âm mưu, hành động của kẻ thù chia rẽ dân tộc. Có quy hoạch và kế hoạch tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số nhất là cán bộ các dân tộc thiểu số ở vùng cao, biên giới và một số vùng ở miền Nam" [3, t.47, tr.799].

Đến Đại hội VII (6.1991), Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh vào việc thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển đi lên con đường văn minh, tiến bộ, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Một số chính sách cụ thể là: "Đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc, cùng xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đồng thời giữ gìn và phát huy bản sắc tốt đẹp của mỗi dân tộc là chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta. Có chính sách phát triển hàng hóa ở các vùng dân tộc thiểu số phù hợp với điều kiện và đặc điểm từng vùng, từng dân tộc, bảo đảm cho đồng bào các dân tộc khai thác được thế mạnh của địa phương để làm giàu cho mình và góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Tôn trọng tiếng nói và có chính sách đúng đắn về chữ viết đối với các dân tộc. Đặc biệt có chính sách khắc phục tình trạng suy giảm dân số đối với một số dân tộc ít người,... Có chính sách đặc biệt để phát triển giáo dục và đào tạo ở miền núi và vùng dân tộc thiểu số, mở rộng và nâng cao chất lượng các trường, lớp nội trú, coi trọng việc đào tạo cán bộ và trí thức người dân tộc" [3, t.51, tr.108, 113]. Như vậy, tôn trọng lợi ích, truyền thống văn hóa, ngôn ngữ, tập quán, tín ngưỡng của các dân tộc; chống tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi, kỳ thị và chia rẽ dân tộc luôn được Đảng ta chú trọng. Ngoài ra, các chính sách kinh tế - xã hội cũng luôn phù hợp với đặc thù của các vùng và các

dân tộc, đặc biệt đối với các dân tộc thiểu số. Có thể thấy rằng, đến Đại hội VII, chính sách dân tộc được Đảng ta nâng lên tầm cao mới. Điều này tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện hơn trong Hiến pháp 1992: "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam. Nhà nước thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc và phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp của mình. Nhà nước thực hiện chính sách về mọi mặt, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số" (Điều 5).

Tại các Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996), IX (2001), X (2006) vấn đề dân tộc tiếp tục được quan tâm một cách toàn diện. Trên cơ sở tổng kết những thành tựu 20 năm đổi mới, Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Đảng ta đã xác định: "Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược lâu dài trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xóa đói giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, tiếng nói, chữ viết và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng; làm tốt công tác định canh, định cư và xây dựng vùng kinh tế mới,... Củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở vùng

đồng bào dân tộc thiểu số; động viên, phát huy vai trò của những người tiêu biểu trong các dân tộc. Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, trí thức là người dân tộc thiểu số. Cán bộ công tác ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi phải gần gũi, hiểu phong tục tập quán, tiếng nói của đồng bào dân tộc, làm tốt công tác dân vận. Chống các biểu hiện kỳ thị, hẹp hòi, chia rẽ dân tộc” [3, t.65, tr.217]. Ngoài việc khẳng định những nội dung đã được xác định trước đây, văn kiện Đại hội X của Đảng có thêm một nội dung mới: “Cán bộ công tác ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi phải gần gũi, hiểu phong tục tập quán, tiếng nói của đồng bào dân tộc, làm tốt công tác dân vận”.

Tinh thần chỉ đạo của Đảng đã được Hiến pháp 2013 chỉ rõ: *Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam; Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc; Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình; Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước (Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 5). Hiến pháp cũng quy định rõ trách nhiệm của Nhà nước: “Nhà nước, xã hội đầu tư phát triển sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của nhân dân, thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, có chính sách ưu tiên chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào ở miền núi, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (khoản 1, điều 58); “Nhà nước ưu tiên phát triển giáo dục ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu*

số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; ưu tiên sử dụng, phát triển nhân tài; tạo điều kiện để người khuyết tật và người nghèo được học văn hóa và học nghề” (khoản 3, điều 61). Bên cạnh hiến định trách nhiệm cụ thể của Nhà nước đối với các dân tộc thiểu số, lần đầu tiên tiếng Việt được hiến định là ngôn ngữ quốc gia. Đây là một bước tiến mới về việc xác định vai trò tiếng Việt trong quan hệ với các ngôn ngữ dân tộc thiểu số.

Gần đây, với nhiệm vụ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XII gắn với đánh giá tổng quát tiến trình 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới; 10 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* và *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020*; quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ 5, 10 năm tới và tầm nhìn đến năm 2045; trong Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII, Đảng ta tiếp tục thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến vấn đề bình đẳng trong khối đại đoàn kết các dân tộc: *“Bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển. Huy động, phân bổ, sử dụng, quản lý hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển, tạo chuyển biến căn bản về kinh tế, văn hóa, xã hội ở vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Chú trọng tính đặc thù của từng vùng dân tộc thiểu số trong hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc. Có cơ chế thúc đẩy tính tích cực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc thiểu số phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện giảm nghèo đa chiều, bền vững. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, người có uy tín tiêu biểu trong vùng dân tộc thiểu số. Nghiêm trị mọi âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc”.* Điểm mới trong chính sách dân tộc ở Đại hội lần này chính là vấn

đề: “*chú trọng tính đặc thù của từng vùng dân tộc thiểu số trong hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc*”. Đây không chỉ là bài học kinh nghiệm từ thực tế mà còn là cơ sở quan trọng để các chính sách được thực hiện có hiệu quả.

2.3. Trong tiến trình lãnh đạo cách mạng nước ta, quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc là hết sức nhất quán và ngày càng hoàn thiện. Có thể thấy, sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước là: *các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam đều có quyền bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ*. Những nội dung này ngày càng được xác định cụ thể và sâu rộng hơn.

Trong các văn kiện của Đảng, “bình đẳng” giữa các dân tộc được hiểu là, các dân tộc không phân biệt đa số hay thiểu số, trình độ phát triển cao hay thấp đều ngang nhau về quyền lợi và nghĩa vụ trong mọi lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội và được bảo đảm bằng Hiến pháp và pháp luật. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc được thể hiện trên tất cả mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Trong chính trị, các dân tộc đều có quyền tham gia vào bộ máy Nhà nước, tham gia thảo luận, góp ý các vấn đề chung của cả nước. Trong kinh tế, chính sách phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước không có sự phân biệt giữa các dân tộc đa số và thiểu số. Nhà nước luôn quan tâm hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế để rút ngắn khoảng cách, tạo điều kiện cho các dân tộc thiểu số có cơ hội vươn lên phát triển về kinh tế. Trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình; có quyền giữ gìn, khôi phục, phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp của mỗi dân tộc; được bình đẳng trong việc hưởng thụ nền giáo dục của nước nhà; công dân thuộc các dân tộc khác nhau ở Việt Nam đều được Nhà nước tạo

mọi điều kiện về cơ hội học tập. Trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, bình đẳng giữa các dân tộc được xem là nguyên tắc cơ bản có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

Bên cạnh việc bảo đảm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, Đảng và Nhà nước cũng hết sức quan tâm đến việc xây dựng khối đoàn kết của các dân tộc. Đoàn kết các dân tộc cũng là một nguyên tắc cơ bản xuyên suốt quá trình cách mạng Việt Nam. Đảng và Nhà nước luôn tìm mọi biện pháp để các dân tộc đang phát huy truyền thống đoàn kết tốt đẹp, cùng nhau xây dựng đất nước ngày càng lớn mạnh; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc. Tất cả các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều phải có trách nhiệm chăm lo, vun đắp, củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “*Nhờ sức đoàn kết tranh đấu chung của tất cả các dân tộc, nước Việt Nam ngày nay được độc lập, ... Trước kia các dân tộc để giành độc lập phải đoàn kết, bây giờ để giữ lấy nền độc lập càng cần đoàn kết hơn nữa*” (lời phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hội nghị Đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam, ngày 3.12.1945): “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công*”.

Gắn liền với quyền bình đẳng, tình đoàn kết giữa các dân tộc, Đảng và Nhà nước cũng chủ trương các dân tộc cần hỗ trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển. Do nhiều nguyên nhân khác nhau, giữa các dân tộc ở nước ta có tình trạng phát triển không đồng đều. Vì vậy, Đảng và Nhà nước đã coi tương trợ nhau cùng phát triển là một nguyên tắc quan trọng của chính sách dân tộc trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Các dân tộc có trình độ phát triển cao hơn phải giúp đỡ các dân tộc khó khăn hơn. Hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau nhưng tránh

tình trạng ỷ lại, không chỉ là giúp đỡ một chiều, mà là tạo điều kiện để cùng nhau phát triển hơn. Trong chính sách của mình, Đảng luôn nhấn mạnh, phải tạo mọi điều kiện thuận lợi để đồng bào các dân tộc thiểu số có cơ hội phát triển bình đẳng với các dân tộc khác. Sự quan tâm tương trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển là một nét đặc trưng trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước và đó cũng chính là cơ sở để thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

2.4. Nhìn rộng ra, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta không những phù hợp với thực tiễn của Việt Nam mà còn phù hợp với luật pháp quốc tế. Về quyền của các dân tộc thiểu số, trong *Tuyên ngôn Toàn Thế giới về Quyền Con người của Liên Hợp Quốc* (Universal Declaration of Human Rights - UDHR) năm 1948, ở điều 2 khẳng định: “Mọi người sinh ra đều được hưởng tất cả các quyền và tự do không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội”. Điều 3 Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (International Covenant on Civil and Political Rights - ICCPR) năm 1966 ghi: “Tại những nước có nhiều nhóm dân tộc thiểu số, tôn giáo và ngôn ngữ cùng chung sống, thì những cá nhân thuộc các dân tộc, tôn giáo, ngôn ngữ và các dân tộc thiểu số đó, cùng với những thành viên khác của cộng đồng mình, không thể bị tước bỏ quyền được thụ hưởng nền văn hóa riêng, quyền được thể hiện và thực hành tôn giáo riêng hoặc quyền được sử dụng tiếng nói riêng của họ”. Như vậy, các văn kiện pháp lý quốc tế đều ghi nhận các quyền pháp lý cơ bản của người dân tộc thiểu số. Trong mối quan hệ với dân tộc đa số, họ hoàn toàn bình đẳng và không có sự phân biệt đối xử.

Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta là hết sức tiến bộ và đúng đắn. Tuy

nhien, thời gian qua, các thế lực thù địch đã tìm mọi cách để xuyên tạc, ra sức lợi dụng chiêu bài dân tộc, dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo để chống phá Cách mạng Việt Nam. Thực tế này đòi hỏi chúng ta phải nhận rõ âm mưu để có những biện pháp thích hợp nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

3. Âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch nhằm vào chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta

Để phá hoại chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam, một trong những âm mưu thâm độc nhất của các thế lực thù địch là đồng nhất *quyền tự quyết của các quốc gia - dân tộc với quyền của các dân tộc thiểu số*.

Theo Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (International Covenant on Economic, Social and Cultural Rights - ICESCR) năm 1966, tại điều 1, quyền dân tộc tự quyết được xác định là: “Mọi dân tộc đều có quyền tự quyết. Xuất phát từ quyền đó, các dân tộc tự do quyết định thể chế chính trị của mình và tự do phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa”. Tuyên bố năm 1970 về Các nguyên tắc Luật quốc tế của Liên hợp quốc cũng nhấn mạnh: “Việc thiết lập một nhà nước độc lập có chủ quyền hay tự do gia nhập vào nhà nước độc lập khác hoặc liên kết với quốc gia đó, cũng như việc thiết lập bất cứ chế độ chính trị nào do nhân dân tự do quyết định là các hình thức thể hiện quyền dân tộc tự quyết” và “mỗi quốc gia đều có nghĩa vụ tôn trọng quyền này, phù hợp với Hiến chương Liên hợp quốc” [1]. Đặt trong mối quan hệ với quyền của các dân tộc thiểu số mà chúng tôi vừa đề cập ở trên, rõ ràng, nội hàm của quyền dân tộc tự quyết và quyền dân tộc thiểu số

là hoàn toàn khác nhau. Quyền dân tộc tự quyết là quyền của quốc gia - dân tộc trong quan hệ với các quốc gia khác trên thế giới chứ không phải là quyền của một dân tộc thiểu số trong quốc gia - dân tộc đó. Theo luật pháp quốc tế, các dân tộc thiểu số là công dân trong quốc gia không được phép thành lập quốc gia độc lập; không được phép tự lựa chọn cho mình chế độ chính trị, kinh tế, xã hội; không được phép tự giải quyết các vấn đề đối nội không có sự can thiệp từ bên ngoài;... Đồng nhất quyền dân tộc tự quyết với quyền của các dân tộc thiểu số rõ ràng là một âm mưu nguy hiểm thâm độc của các thế lực thù địch; với mục đích làm gây mất ổn định chính trị, xã hội trong nước, chống phá chính sách dân tộc, chống phá công cuộc đổi mới của Đảng và Nhà nước. Thực tiễn thời gian qua cho thấy, các thế lực thù địch đã dùng rất nhiều thủ đoạn khác nhau để thực hiện âm mưu này:

Thứ nhất, lợi dụng những sơ hở, thiếu sót trong việc thực hiện chính sách dân tộc; lợi dụng cuộc sống khó khăn của một bộ phận đồng bào các dân tộc thiểu số để tuyên truyền Đảng và Nhà nước Việt Nam đối xử không công bằng, không quan tâm đến dân tộc thiểu số; phân biệt đối xử, chèn ép người dân tộc thiểu số phải từ bỏ phong tục, tập quán của dân tộc mình với mục đích đồng hóa với dân tộc đa số. Từ đó kích động lòng tự tôn của các dân tộc thiểu số, lôi kéo người dân tộc thiểu số biểu tình, bạo loạn chống lại chính quyền, làm mất an ninh chính trị, ảnh hưởng đến uy tín của Đảng và Nhà nước.

Thứ hai, truyền bá, kích động tư tưởng dân tộc hẹp hòi; chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc ở Việt Nam. Lợi dụng các vấn đề về lịch sử, đất đai, kích động đồng bào một số dân tộc trong nước đòi thành lập “Nhà nước Tin lành Đê-ga” ở Tây Nguyên,

“Vương quốc Chăm-pa” ở Tây Nam Bộ, “Vương quốc Mông” ở Tây Bắc,... qua đó nhằm hình thành các tổ chức đối lập với Đảng, Nhà nước Việt Nam.

Thứ ba, xuyên tạc quyền dân tộc tự quyết, một mặt, yêu cầu Đảng và Nhà nước Việt Nam trao “quyền tự quyết, tự quản” cho các dân tộc thiểu số; mặt khác tạo dư luận để “quốc tế hóa” vấn đề “quyền dân tộc tự quyết”, lôi kéo các tổ chức phản động ở nước ngoài chống đối Nhà nước Việt Nam.

Thứ tư, mua chuộc, lôi kéo, ép buộc đồng bào các dân tộc vượt biên trái phép, gây mất ổn định chính trị, xã hội. Vận động các tổ chức quốc tế vào các vùng dân tộc thiểu số nắm tình hình rồi xuyên tạc thực tế, vu cáo Nhà nước Việt Nam vi phạm dân chủ, nhân quyền với mục đích làm giảm lòng tin của đồng bào, của cộng đồng quốc tế đối với chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước.

4. Một số biện pháp để ngăn chặn âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch

Để phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc để chống phá Nhà nước Việt Nam, cần lưu ý một số biện pháp sau đây:

(a) Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền để nhân dân cả nước nói chung, đồng bào các dân tộc thiểu số nói riêng hiểu rõ chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước; đặc biệt là hiểu đúng về quyền dân tộc tự quyết và quyền các dân tộc thiểu số theo luật pháp quốc tế và pháp luật Việt Nam.

(b) Luôn luôn quan tâm đến công tác xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng; mở rộng, đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

(c) Tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách bình đẳng, tôn trọng, giúp đỡ nhau giữa các dân tộc; kiên quyết chống kỳ thị dân tộc, nghiêm trị những âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết, bình đẳng giữa các dân tộc ở nước ta.

(d) Các chính sách phát triển phải tạo ra sự chuyển biến thật sự về kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tiếp tục bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa mang đậm bản sắc của các dân tộc. Phải từng bước tạo ra sự bình đẳng về các cơ hội hưởng thụ giáo dục, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe, tham gia các sinh hoạt và các quan hệ cộng đồng, cơ hội tiếp cận các nguồn lực và được hưởng lợi từ các nguồn lực mang lại cho đồng bào; tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số tự vươn lên hòa nhập vào sự phát triển chung của đất nước.

(e) Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở các cấp. Làm tốt công tác nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn âm mưu, hoạt động lợi dụng dân tộc, quyền dân tộc tự quyết để phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân, chống phá cách mạng. Giải quyết triệt để, kịp thời các “điểm nóng”, các mâu thuẫn, bức xúc trong đồng bào dân tộc thiểu số trên cơ sở pháp luật; giữ vững ổn định chính trị, xã hội.

5. Kết luận

Có thể nói, những thắng lợi của Cách mạng Việt Nam trong hơn tám thập kỷ qua có sự đóng góp quan trọng của chính sách dân tộc khoa học, đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta. Những chính sách này được xây dựng trên nền tảng cơ sở chính là *quyền bình đẳng, tinh thần đoàn kết, sự tương trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển* giữa các dân tộc cùng chung sống trên lãnh thổ Việt Nam. Đó cũng là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Chính vì vậy, trách nhiệm của chúng ta, một mặt là phát huy hết trí lực, năng lực của mình để thực hiện một cách có hiệu quả chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước; mặt khác, tích cực phản bác, chống lại mọi luận điệu, âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc để phá hoại công cuộc đổi mới, hội nhập của nước ta và đó cũng là cách góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Quốc An, *Không thể đánh đồng quyền dân tộc tự quyết và quyền của dân tộc thiểu số*, Báo Quân đội Nhân dân, số ra ngày 9.4.2008.
- [2] Bùi Thu Hà, Giang Thiệu Thanh, Nam Hải, *Mười một kỳ Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam - Những mốc son chói lọi*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2011.
- [3] Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật, *Văn kiện Đảng toàn tập: từ tập 2 đến tập 65*, (bản điện tử của Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam).